**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN C**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/3/2018
"Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con; nợ chung".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính
*Các vị Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Bùi Hữu Khánh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con; nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Nhà Phấn Gốc, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Thanh Tr, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Nhà Phấn Gốc, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.
Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Ch – Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Ch ông Trần Phương N – Chức vụ: Phó giám đốc (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm 2, thị Trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2017 và các biên bản hòa giải cũng tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Th và anh Trần Thanh Tr kết hôn vào năm 1994 nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vã, anh Tr thường đánh đập chị, từ đó vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Chị Th xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

*Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Tr có với nhau 02 con chung tên là Trần Phúc L, sinh năm 1995 và Trần Thúy D, sinh ngày 15/3/2001. Hiện nay 02 con đang sống với anh Tr, sau khi ly hôn chị yêu cầu Trần Thúy D nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Phúc L bị khuyết tật từ nhỏ, thiếu nhận thức và không tự sinh hoạt được nên chị yêu cầu anh Tr tiếp tục chăm sóc, chị không cấp dưỡng nuôi cháu L.

*Về tài sản chung*: Chị Th trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ thu và nợ trả:* Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Văn Tr trình bày:***

*Về hôn nhân:* Chị Th yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh Tr thống nhất vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày. Anh Tr đồng ý cháu Trần Thúy D nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Phúc L thì anh yêu cầu giao cho chị Th nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Tr thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chung sống có vay Ngân hàng chính sach xã hội chi nhánh huyện C số tiền vốn là 16.000.000 đồng để chi xài trong gia đình. Khi ly hôn anh yêu cầu vợ chồng chai đôi trả cho Ngân hàng.

*Anh Trần Hoàng N là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng trình bày:*

Vào ngày 13/5/2015 anh Tr có vay Ngân hàng số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu đồng), đến ngày 13/3/2017 anh Tr tiếp tục vay thêm 15.000.000 (Mười triệu đồng). Tổng 02 lần vay là 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu đồng), lãi suất tính đến ngày

26/02/2018 là 850.000 (Tám trăm năm mươi ngàn đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu anh Tr trả cho Ngân hàng số tiền là 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu đồng), còn nếu Tòa án xử chia đôi vợ chồng cùng trả thì anh Tr có trách nhiệm thu số tiền chia đôi của chị Th để trả cho Ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn Tr có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Phan Thị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thanh Tr và yêu cầu nuôi con chung; nợ chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con; nợ chung" là đúng quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Trần Thanh Tr xác lập quan hệ hôn nhân năm 1994 đến năm 2000 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị Th và ánh Thanh là hợp pháp. Xét thấy, chị Th yêu cầu được ly hôn, anh Tr đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chị Th và anh Tr tự nguyện thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Trần Phúc L, sinh năm 1995 và Trần Thúy D, sinh ngày 15/3/2001 là con của chị Th và anh Tr. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì cháu L và cháu D sống chung với anh Tr được anh Tr nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị Th yêu cầu giao hai con cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để cháu L và cháu D có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức, tinh thần. Hội đồng xét xử giao hai con cho anh Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Th và anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung**:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Th và anh Tr không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh Tr và chị Th thừa nhận có thiếu tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền vốn là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 850.000 đồng. Tại phiên tòa anh Tr, chị Th thống nhất giao cho anh Tr trả toàn bộ số tiền nêu trên đã được người đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C là anh Nam đồng ý. Xét thấy việc tự thỏa thuận trả nợ của anh Tr và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu là 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Tr phải chịu là 1.092.500 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 235, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Th như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Th và anh Trần Thanh Tr.

Về nuôi con: Giao cho Trần Phúc L, sinh năm 1995 và Trần Thúy D, sinh ngày 15/3/2001 cho anh Trần Thanh Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phan Thị Th và anh Trần Thanh Tr. Buộc anh Trần Thanh Tr trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện C tổng số tiền vốn, lãi là 21.850.000 đ (Hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Th phải chịu 300.000 đồng, chị Th có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thì số 0003875 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Thanh Tr phải chịu số tiền là 1.092.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
*- TAND tỉnh Cà Mau;*
*- VKSND huyện C;*
*- Chi cục THADS huyện C;*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã Phú Hưng;*
*- Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

**Huỳnh Minh Tính**